

Số: /KH- SYT

Bình Phước, ngày tháng 4 năm 2022

KẾ HOẠCH
TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG
NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

I. CƠ SỞ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng; nghị định 155/2018/Nđ-CP ngày 18/11/2018 của chính phủ sửa đổi bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

Căn cứ Thông tư 34/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ Y tế về quy định chi tiết của Nghị định 104/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 quy định về hoạt động tiêm chủng; thông tư 38/2017/TT-BYT ngày 17/10/2017 của Bộ Y tế ban hành danh mục các bệnh truyền nhiễm, phạm vi đối tượng sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc.

Căn cứ Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ Tài chính về việc quy định quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;

Căn cứ Thông tư 139/2010/TT-BTC ngày 21/09/2010 của Bộ Tài chính về việc quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về Quyết định phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư 26/TT-BTC, ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc qui định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu Y tế-dân số giai đoạn 2016-2020.

Để chủ động nâng cao tỷ lệ tiêm chủng và chất lượng tiêm chủng phòng, chống bệnh truyền nhiễm trong chương trình tiêm chủng mở rộng, Sở Y tế xây dựng Kế hoạch triển khai chương trình tiêm chủng mở rộng năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Duy trì và nâng cao chất lượng, tỷ lệ tiêm chủng các loại vắc xin trong tiêm chủng mở rộng (TCMR); khống chế hiệu quả các bệnh truyền nhiễm có vắc xin bảo vệ trẻ em, bảo vệ thành quả thanh toán bại liệt, duy trì loại trừ uốn ván sơ sinh trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể (Phụ lục 1 kèm theo)

2.1. Chỉ tiêu tiêm chủng:

- Duy trì tỉ lệ tiêm chủng gây miễn dịch đầy đủ cho trẻ <1 tuổi đối với 8 loại vắc xin trên quy mô huyện đạt > 95%.
- Tiêm đủ liều vắc xin Uốn ván cho phụ nữ có thai đạt > 85%.
- Tỉ lệ trẻ được bảo vệ phòng uốn ván sơ sinh > 95% trên địa bàn tỉnh.
- Tiêm vắc xin Viêm gan B mũi 1 trong vòng 24 giờ đầu sau sinh đạt tỉ lệ > 70%.
- Trẻ em 18 tháng tuổi: Đảm bảo > 90% được tiêm vắc xin Sởi mũi 2 (hoặc Sởi - rubella), DPT mũi 4 đạt $\geq 90\%$.
- Tỉ lệ tiêm vắc xin Viêm não Nhật Bản cho trẻ từ 1 đến 5 tuổi đạt >90%.
- Triển khai tiêm bổ sung vắc xin IPV cho trẻ 5 tháng tuổi trên địa bàn tỉnh đạt >90%
- Triển khai tiêm bổ sung vắc xin Td cho trẻ 7 tuổi tại 11 huyện, thị/thành phố đạt > 90%.

2.2. Chỉ tiêu mắc các bệnh và giám sát các bệnh trong TCMR:

a. Chỉ tiêu mắc các bệnh trong TCMR

- Giữ vững thành quả thanh toán bệnh Bại liệt: không có trường hợp Bại liệt do Virus Bại liệt hoang dại trên địa bàn tỉnh trong năm 2022.
- Duy trì thành quả loại trừ uốn ván sơ sinh (100% số huyện có số mắc uốn ván sơ sinh dưới 1/1000 trẻ đẻ sống).
- Giảm tỷ lệ mắc bệnh sởi $\leq 1/100.000$ dân
- Giảm tỷ lệ mắc bệnh bạch hầu $\leq 0,02/100.000$ dân
- Giảm tỷ lệ mắc bệnh ho gà $\leq 1/100.000$ dân

b. Chỉ tiêu giám sát cần đạt

*** Liệt mềm cấp (LMC)/ bại liệt:**

- Phát hiện và điều tra > 1 ca/100.000 dân trẻ dưới 15 tuổi/năm trên toàn tỉnh
- Trên 80% số ca liệt mềm cấp được điều tra di chứng sau 60 ngày kể từ ngày phát bệnh.
- Trên 80% số ca liệt mềm cấp được lấy 2 mẫu bệnh phẩm theo đúng quy định.
- Phát hiện điều tra và lấy mẫu trên 2ca/100.000 dân trên toàn tỉnh

*** Sởi/Rubella:**

- $\geq 80\%$ số huyện đạt chỉ tiêu $\geq 2ca/100.000$ dân.
- Số ca nghi ngờ sởi/ Rubella được điều tra và lấy mẫu huyết thanh $\geq 90\%$.

*** Chết sơ sinh/uốn ván sơ sinh (UVSS):**

- Giám sát phát hiện ≥ 5 ca chết sơ sinh/1.000 trẻ đẻ sống

- Đảm bảo 100 ca chết sơ sinh/nghi ngờ uốn ván sơ sinh được điều tra

3. Dự kiến đối tượng trong TCMR năm 2022 (Phụ lục 2 kèm theo)

III. NHỮNG HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ

1. Công tác tổ chức chỉ đạo

- Tăng cường sự tham gia, phối hợp của các cơ quan, ban ngành tổ chức chính trị xã hội trong các hoạt động nhằm nâng cao tỷ lệ tiêm chủng; vận động tuyên truyền để người dân hưởng ứng dịch vụ tiêm chủng tại địa phương.

- Xã hội hóa công tác TCMR, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương các cấp. Tăng cường trách nhiệm của UBND các cấp trong công tác tiêm chủng, đưa các chỉ tiêu tiêm chủng mở rộng vào nghị quyết phát triển kinh tế - Xã Hội của HĐND và UBND các cấp....

- Duy trì giao ban tháng, quý về công tác tiêm chủng giữa chính quyền địa phương và ngành Y tế; giữa Y tế tuyến tỉnh với tuyến huyện và cơ sở Y tế.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hỗ trợ đôn đốc tuyến dưới.

2. Công tác tập huấn

- Tập huấn về công tác thông kê báo cáo, giám sát các bệnh trong TCMR cho cán bộ chuyên trách tuyến huyện, thị/thành phố.

- Tập huấn triển khai Nghị định 104/2016/NĐ-CP, Thông tư 34/2018/TT-BYT, Thông tư 38/2017/TT-BYT, Thông tư 51/2017/TT-BYT, Thông tư 24/2018/TT-BYT Quyết định số 2470/QĐ-BYT. Tập huấn về quy trình tiếp nhận, bảo quản, sử dụng vắc xin trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng cho cán bộ mới tuyến huyện, xã và các cơ sở y tế có triển khai TCMR. Sau tập huấn cấp giấy xác nhận theo quy định của Bộ Y tế.

- Triển khai tập huấn cập nhật phần mềm hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia cho cán bộ mới.

3. Truyền thông, tuyên truyền

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Trung tâm Y tế các huyện, thị, thành phố có trách nhiệm nhận tài liệu truyền thông do Chương trình TCMR quốc gia và khu vực cấp, cấp phát cho tuyến xã/phường sử dụng thông tin, tuyên truyền tại tuyến cơ sở, có kế hoạch phối hợp với các đơn vị truyền thông trên địa bàn thông tin tuyên truyền về TCMR.

- Tăng cường các hoạt động truyền thông về lợi ích của việc tiêm chủng bằng các hình thức phù hợp như: trực tiếp tại cộng đồng, loa phát thanh xã... Tập trung vào các đối tượng như chính quyền địa phương như; trưởng bản, trưởng đạo, dân tộc ít người, vùng sâu, vùng xa cung cấp tài liệu truyền thông cho y tế thôn bản truyền thông tại cộng đồng.

5. Cung ứng vắc xin và vật tư tiêm chủng

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trung tâm Y tế các huyện, thị, thành phố: có trách nhiệm dự trữ, tiếp nhận, cấp phát vắc xin vật tư tiêm chủng cho tuyến

xã/phường hoạt động. Đảm bảo cung ứng đủ vắc xin, vật tư tiêm chủng đúng tiến độ.

6. Triển khai các hoạt động TCMR

6.1. Triển khai tiêm bổ sung vắc xin IPV cho trẻ từ 5 tháng tuổi trên địa bàn tỉnh đạt > 90%.

6.2. Triển khai tiêm bổ sung vắc xin Td cho trẻ 7 tuổi tại 11 huyện, thị/thành phố đạt > 90%.

6.3. Đẩy mạnh triển khai tiêm vắc xin viêm gan B trong 24 giờ đầu sau sinh. Trung tâm Y tế các huyện/thị phối hợp với bệnh viện đa khoa trên địa bàn tăng cường công tác triển khai tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh cho trẻ sinh tại bệnh viện, trạm y tế xã/phường.

6.4. Tăng cường tiêm chủng vắc xin bại liệt trong tiêm chủng thường xuyên cho trẻ em, đảm bảo trẻ em dưới 1 tuổi được uống đủ 3 liều vắc xin b OPV và tiêm 1 mũi vắc xin IPV đạt tiến độ hàng tháng, đối với các trường hợp hoãn tiêm trong tiêm chủng thường xuyên cần được tổ chức cho uống/tiêm vét ngay trong tháng.

6.5. Triển khai tiêm bù vắc xin IPV cho các đối tượng chưa được tiêm từ khi chuyển đổi vắc xin bOPV trên địa bàn toàn tỉnh (*cho đối tượng 5 tháng tuổi trở lên mà chưa được tiêm*).

6.6. Công tác thống kê báo cáo

- Tập huấn về các chỉ số thống kê trong TCMR cho cán bộ tuyến huyện, xã.

Thống nhất sử dụng sổ sách, biểu mẫu ghi chép, báo cáo trong TCMR.

6.7. Các hoạt động duy trì thành quả thanh toán bại liệt

- Tăng cường công tác giám sát liệt mềm cấp, giám sát tích cực các trường hợp liệt mềm cấp tại bệnh viện.

6.8. Các hoạt động duy trì thành quả loại trừ uốn ván sơ sinh

- Tăng cường công tác giám sát uốn ván sơ sinh.

- 100% các trường hợp UVSS được điều tra, tiến hành phân tích các trường hợp UVSS từ đó đưa ra các hoạt động can thiệp thích hợp đối với từng trường hợp.

- Ở những xã có trường hợp mắc UVSS xảy ra, tổ chức chiến dịch tiêm vắc xin uốn ván (VAT2+) cho phụ nữ có thai và phụ nữ tuổi sinh đẻ.

- Xây dựng kế hoạch triển khai và duy trì các hoạt động can thiệp tại những vùng nguy cơ cao về UVSS trên địa bàn tỉnh.

6.9. Các hoạt động tiến tới loại trừ bệnh sởi

- Duy trì tỷ lệ miễn dịch cao với sởi trong cộng đồng.

- Duy trì tỷ lệ tiêm chủng vắc xin sởi mũi 1 cho trẻ dưới 1 tuổi và mũi 2 cho trẻ 18 tháng tuổi trong tiêm chủng thường xuyên đạt > 90%.

- Thực hiện công tác giám sát sởi theo đúng thường quy giám sát của Chương trình qui định:

- Tăng cường giám sát các trường hợp sốt phát ban nghi sởi.
- Điều tra và xác minh ca bệnh.
- Điều tra dịch tễ và huyết thanh học.
- Thu thập phân tích dữ liệu.

6.10. Giám sát thực hiện các quyết định của Bộ Y tế ban hành.

6.10.1. Giám sát công tác tiêm chủng thường xuyên tại tuyến huyện, xã

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh phối hợp với tuyến khu vực tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về triển khai tiêm chủng thường xuyên, tiêm nhắc vắc xin sởi, DPT, các chiến dịch bổ sung, công tác quản lý vắc xin tại tuyến huyện, xã.

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Trung tâm Y tế các huyện, thị/thành phố tăng cường công tác giám sát buổi tiêm chủng tại tuyến xã/phường/thị trấn nhằm thúc đẩy và nâng cao chất lượng dịch vụ tiêm chủng.

6.10.2. Giám sát phản ứng sau tiêm

Thực hiện nghiêm túc Nghị định 104/2016/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ về quy định hoạt động tiêm.

7. Giám sát các bệnh trong TCMR

7.1. Tăng cường công tác giám sát các trường hợp liệt mềm cấp.

- Tăng cường công tác giám sát tích cực các trường hợp liệt mềm cấp tại bệnh viện tuyến tỉnh, huyện.

- Đảm bảo tỉ lệ phát hiện liệt mềm cấp $> 1/100.000$ trẻ < 15 tuổi (tương đương 3ca/năm) và 100% số ca được lấy đủ 2 mẫu phân theo qui định.

7.2. Tăng cường giám sát chết sơ sinh, uốn ván sơ sinh

- Tăng cường công tác giám sát chết sơ sinh, uốn ván sơ sinh đảm bảo tỉ lệ giám sát chết sơ sinh $> 4/1.000$ trẻ đẻ sống. (tương đương 76 trẻ/năm).

- Điều tra các trường hợp chết sơ sinh nghi ngờ uốn ván sơ sinh, 100% trường hợp uốn ván sơ sinh được điều tra theo mẫu.

7.3. Tăng cường giám sát sởi.

- Đảm bảo tỉ lệ giám sát phát hiện ca nghi sởi $< 5/100.000$ dân.(tương đương 50 ca/năm).

- Phối hợp giám sát tích cực chết sơ sinh tại bệnh viện cùng với giám sát liệt mềm cấp, nghi sởi và giám sát các bệnh khác trong TCMR.

7.4. Tăng cường giám sát bạch hầu.

- Đảm bảo tỉ lệ giám sát phát hiện ca bệnh bạch hầu $< 0,02/100.000$ dân.(tương đương 02 ca/năm).

7.5. Tăng cường giám sát bệnh ho gà.

- Đảm bảo tỉ lệ giám sát phát hiện ca bệnh ho gà $< 1/100.000$ dân.(tương đương 10 ca/năm).

IV. KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

- Theo nguồn kinh phí địa phương.
- Dự kiến kinh phí chương trình TCMR năm 2022: 1,054,530,000 VNĐ (*Có Phụ lục 3 gửi kèm*).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị địa phương liên quan và các cơ quan thông tin đại chúng, tăng cường truyền thông vận động đối tượng đi tiêm chủng, phụ nữ có thai, người dân đưa trẻ đi tiêm vắc xin phòng bệnh, đúng lịch, đủ liều.

- Thực hiện kiểm, tra giám sát trong quá trình thực hiện tiêm chủng, hỗ trợ chỉ đạo giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc, đặc biệt đối với các địa bàn có tỷ lệ tiêm chủng thấp, vùng nguy cơ xảy ra dịch bệnh. Tổng hợp báo cáo kết quả tiêm chủng theo đúng quy định.

- Chỉ đạo các đơn vị y tế trực thuộc triển khai các hoạt động tiêm chủng theo đúng quy định và hướng dẫn chuyên môn về an toàn tiêm chủng; triển khai các hoạt động điều tra, rà soát các đối tượng tiêm chủng, đảm bảo cung ứng đầy đủ vắc xin, vật tư, đảm bảo về nhân lực cho công tác tiêm chủng mở rộng, chỉ đạo việc tiêm chủng đảm bảo hiệu quả, an toàn, đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

2. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện thực Kế hoạch tiêm chủng mở rộng năm 2022 trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức tập huấn công tác an toàn tiêm chủng, phần mềm tiêm chủng mở rộng năm 2022.

- Tiếp nhận và phân bổ vắc xin, vật tư tiêm chủng hàng tháng cho tuyến huyện, thị xã và thành phố.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hỗ trợ tuyến dưới về công tác tiêm chủng mở rộng.

- Tổng hợp và báo cáo tiêm chủng mở rộng hàng tháng theo đúng qui định của Bộ Y tế.

3. Chi cục dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh

- Phối hợp với các cơ quan thông tin tuyên truyền của tỉnh tuyên truyền các nội dung trên trên các phương tiện truyền thông đại chúng và Clip truyền thông về tiêm chủng cho trẻ em phát trên Đài phát thanh - truyền của Vụ truyền thông thi đua khen thưởng, tài liệu của Chương trình TCMR quốc gia.

- Xây dựng kế hoạch truyền thông tuyên truyền và hướng dẫn cho tuyến huyện truyền thông tuyên truyền về lợi ích của việc tiêm chủng phòng bệnh.

4. Bệnh viện Đa khoa tỉnh

- Phối hợp với Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh hướng dẫn cho cán bộ tuyến huyện về khám sàng lọc trước tiêm chủng, cấp cứu và xử trí phòng chống sốc.

- Tổ chức trực cấp cứu và xử trí các trường hợp phản ứng sau tiêm chủng trong suốt thời gian thực hiện tiêm chủng.

- Hỗ trợ tuyến dưới về công tác cấp cứu và xử trí phòng chống sốc khi có yêu cầu.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với các sở, ban, ngành địa phương có liên quan tăng cường công tác tuyên truyền, thông tin về lợi ích và hiệu quả của việc tiêm chủng, nhằm khuyến khích, hướng dẫn người dân tích cực tham gia tiêm chủng, bảo vệ bản thân và cộng đồng, phòng chống dịch bệnh.

- Chỉ đạo, định hướng cho các cơ quan báo chí tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông, các trang tin điện tử (website), bản tin của các cơ quan nhà nước, đoàn thể, doanh nghiệp về mục đích, ý nghĩa của tiêm chủng phòng bệnh.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo Phòng giáo dục – Đào tạo các huyện/thị phối hợp với ngành y tế triển khai công tác tiêm chủng tại đơn vị, kiểm tra, rà soát thông tin về tình trạng tiêm chủng với các đối tượng là học mầm non, tiểu học khi nhập học; đồng thời tuyên truyền vận động cha mẹ, người giám hộ hợp pháp.

- Chỉ đạo các cơ sở trường học hỗ trợ việc điều tra, lập danh sách trẻ trên địa bàn tỉnh, đặc biệt tại các trường mẫu giáo, mầm non, nhà trẻ, các xã vùng sâu, vùng xa, tránh bỏ sót đối tượng. Đồng thời hỗ trợ ngành y tế trong công tác tổ chức triển khai tiêm chủng cho các đối tượng học ở các cấp học trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp tổ chức kiểm tra, giám sát trước, trong và sau khi triển khai chiến dịch.

7. Sở Tài chính

Thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt cấp kinh phí cho các hoạt động tiêm chủng mở rộng năm 2022 bằng nguồn kinh phí địa phương.

8. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng

Phối hợp với ngành y tế triển khai các hoạt động tiêm chủng, tuyên truyền để người dân hiểu được lợi ích của tiêm chủng, vận động người dân đưa con em đi tiêm chủng đặc biệt vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; vùng biên giới có các đồn biên phòng cư trú hoặc đóng quân.

9. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Trên cơ sở Kế hoạch tiêm chủng mở rộng năm 2022 của Sở Y tế, chỉ đạo Trung tâm Y tế tuyến huyện tham mưu UBND cấp huyện ban hành kế hoạch tiêm chủng mở rộng năm 2022 trên địa bàn phụ trách.

- Chỉ đạo UBND cấp xã xây dựng kế hoạch tiêm chủng mở rộng năm 2022 trên địa bàn cấp xã; Huy động mạng lưới y tế thôn bản, cộng tác viên dân số và các tổ chức đoàn thể khác cùng tham gia điều tra đối tượng, tuyên truyền, vận động đối tượng đi tiêm chủng.

- Chỉ đạo các cơ quan thông tin tuyên truyền của huyện, thị tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của tiêm chủng mở rộng trên các phương tiện truyền thông sẵn có tại địa phương.

- Chỉ đạo các ban, ngành đoàn thể và các tổ chức xã hội tham gia thực hiện tiêm chủng trên địa bàn.

- Chỉ đạo Trung tâm Y tế tuyến huyện hướng dẫn cho cán bộ tuyến xã về khám sàng lọc trước tiêm chủng, cấp cứu và xử trí phòng chống sốc; Tổ chức trực cấp cứu và xử trí các trường hợp phản ứng sau tiêm chủng trong thời gian thực hiện tiêm chủng; Thành lập đội cấp cứu lưu động sẵn sàng hỗ trợ tuyến xã về công tác cấp cứu và xử trí phòng chống sốc khi có yêu cầu.

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch, kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện và báo cáo theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai chương trình tiêm chủng mở rộng năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Để triển khai, thực hiện tốt chương trình tiêm chủng mở rộng, phấn đấu đạt các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra, Sở Y tế rất mong nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng ủy - Chính quyền các cấp về công tác TCMR, giúp ngành Y tế thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- CT.TCMR quốc gia;
- CT.TCMR phía Nam;
- UBND tỉnh;
- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh;
- Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ sở y tế;
- Giám đốc Sở Y tế;
- Các Phó Giám đốc SYT;
- Các Phòng chức năng SYT;
- Lưu VT, NV (T25.4).

GIÁM ĐỐC

Phụ lục 1:**CHỈ TIÊU CHUYÊN MÔN TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG NĂM 2022**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SYT ngày /4/2022
của Sở Y tế tỉnh Bình Phước)

TT	Mục tiêu/chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022
1	Không để bại liệt quay trở lại	0 trường hợp
2	Tỷ lệ huyện duy trì thành quả loại trừ UVSS	100% huyện đạt
3	Tỷ lệ < 1 tuổi được TCĐĐ 8 loại vắc xin	≥ 95%
4	Tỷ lệ PNCT được tiêm đủ mũi vắc xin uốn ván (UV2+)	≥ 85%
5	Tỷ lệ tiêm viêm gan B sơ sinh	≥ 80%
6	Tỷ lệ trẻ được tiêm vắc xin sởi - rubella	≥ 90%
7	Tỷ lệ trẻ được tiêm vắc xin viêm não Nhật Bản	≥ 90%
8	Tỷ lệ trẻ được tiêm nhắc vắc xin DPT	≥ 80%
9	Tỷ lệ tiêm các xin IPV	≥ 90%
10	Tỷ lệ mắc sởi	≤ 5/100.000 dân
11	Tỷ lệ mắc bạch hầu	≤ 0,02/100.000 dân
12	Tỷ lệ mắc ho gà	≤ 1/100/000 dân

Phụ lục 2. DỰ KIẾN ĐỐI TƯỢNG TRONG TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG NĂM 2022

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SYT ngày /4/2022 của Sở Y tế tỉnh Bình Phước)

TT	Đơn vị	Số huyện miền núi khó khăn	Tổng số xã	Số xã miền núi đặc biệt khó khăn	Dân số	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB (1-5 tuổi)				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
						Số trẻ <1 tuổi	Trong đó số đối tượng vùng khó khăn	Số trẻ 18 tháng	Trong đó số đối tượng vùng khó khăn	Số trẻ tiêm 2 mũi	Trong đó số đối tượng vùng khó khăn	Số trẻ tiêm mũi 3	Trong đó số đối tượng vùng khó khăn	Số trẻ 7 tuổi	Trong đó số đối tượng vùng khó khăn	Số PNCT	Trong đó số đối tượng vùng khó khăn
1	Bù Gia Mập	1	8	3	88,178	1,175	531	1,263	495	1,180	545	1,228	520	1,505	705	1,175	508
2	Bình Long	-	6	-	60,337	817	0	819	0	836	0	819	0	823	0	817	0
3	Bù Đăng	1	16	1	147,054	2,690	159	2,717	160	2,697	155	2,185	150	2,965	160	2,690	159
4	Bù Đốp	1	7	2	62,525	822	210	880	230	845	225	752	212	1,908	235	822	170
5	Chơn Thành	-	9	-	94,908	1,482	0	1,451	0	1,520	0	1,360	0	1,482	0	1,482	0
6	Hớn Quản	-	13	-	104,724	1,414	0	1,423	0	1,453	0	1,344	0	1,653	0	1,414	0
7	Phú Riềng	-	10	-	96,284	1,442	0	1,276	0	1,224	0	1,170	0	1,626	0	1,442	0
8	Phước Long	-	7	-	49,528	1,000	0	800	0	950	0	790	0	1,460	0	1,000	0
9	Lộc Ninh	1	16	3	116,744	2,197	430	2,095	400	2,033	415	1,915	400	2,485	460	2,197	430
10	Đồng Xoài	-	8	-	109,125	2,001	0	1,812	0	1,883	0	1,509	0	2,560	0	2,001	0
11	Đồng Phú	1	11	1	97,994	1,664	70	1,778	135	1,707	70	1,501	70	1,783	110	1,664	70

Tổng cộng	5	111	10	1,027,401	16,704	1,400	16,314	1,420	16,328	1,410	14,573	1,352	20,250	1,670	16,704	1,337
------------------	----------	------------	-----------	------------------	---------------	--------------	---------------	--------------	---------------	--------------	---------------	--------------	---------------	--------------	---------------	--------------

Phụ lục 3. DỰ KIẾN KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG NĂM 2022
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SYT ngày /4/2022 của Sở Y tế tỉnh Bình Phước)

STT	Nội dung chi	Diễn giải	Định mức chi (đồng)	đơn vị tính	số xã	Thực hiện năm 2022	Tổng cộng
KINH PHÍ ĐỊA PHƯƠNG							
I	Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ uống hoặc tiêm vắc xin						470,476,000
1	TCĐĐ	Đối tượng xã khó khăn	24,000	Mũi tiêm	05/xã	1,400	33,600,000
		Đối tượng xã thường	12,000	Mũi tiêm	106/xã	15,304	183,648,000
	VGB Sơ sinh	Tiêm tại bệnh viện	2,000	Mũi tiêm	111/xã	16,704	33,408,000
	VAT Phụ nữ có thai	Đối tượng xã khó khăn	4,000	Mũi tiêm	05/xã	1,337	5,348,000
		Đối tượng xã thường	2,000	Mũi tiêm	106/xã	15,367	30,734,000
	VAT Phụ nữ tuổi sinh đẻ	Đối tượng xã khó khăn	4,000	Mũi tiêm		1,000	4,000,000
		Đối tượng xã thường	2,000	Mũi tiêm		3,000	6,000,000
	Viêm não nhật bản	Đối tượng xã khó khăn	4,000	Mũi tiêm	05/xã	4,172	16,688,000
		Đối tượng xã thường	2,000	Mũi tiêm	106/xã	43,057	86,114,000
	Tiêm vắc xin sởi - Rubella	Đối tượng xã khó khăn	4,000	Mũi tiêm	05/xã	1,420	5,680,000
		Đối tượng xã thường	2,000	Mũi tiêm	106/xã	14,894	29,788,000
	Tiêm vắc xin DPT	Đối tượng xã khó khăn	4,000	Mũi tiêm	05/xã	1,420	5,680,000
		Đối tượng xã thường	2,000	Mũi tiêm	106/xã	14,894	29,788,000
	Tổng công tiêm						
II	Tập huấn						31,800,000.00
2	Tập huấn An toàn tiêm chủng	Tài liệu	20,000	Bộ	1	200	4,000,000
		Văn phòng phẩm	10,000	Bộ	1	200	2,000,000
		Nước uống	10,000	người/ngày	1	200	2,000,000
		Tiền giảng viên	1,000,000	người/ngày	1	3	3,000,000

		Tiền Trang trí hội trường	500,000	Lớp	1	3	1,500,000
		Tiền phục vụ (2 người/ lớp)	100,000	Người	2	3	600,000
	CỘNG						13,100,000
	Triển khai tập huấn cập nhật mềm hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia, thống kê báo cáo TCMR	Tài liệu	20,000	Bộ	1	80	1,600,000
		Văn phòng phẩm	10,000	Bộ	1	80	800,000
		Nước uống	10,000	người/ngày	1	80	800,000
		Tiền giảng viên	1,000,000	ngày	1	3	3,000,000
		Tiền Trang trí hội trường	500,000	Lớp	1	3	1,500,000
		Tiền phục vụ	100,000	người/ngày	2	3	600,000
		Tiền thuê máy tính	130,000	Máy/ngày	1	80	10,400,000
	CỘNG						18,700,000
	Tổng kinh phí tập huấn						31,800,000
III	Giám sát bệnh truyền nhiễm trong tiêm chủng						
							72,630,000.00
3	Chi giám sát, điều tra một trường hợp nghi uốn ván sơ sinh, nghi sởi, nghi rubella, nghi viêm não Nhật Bản, chết sơ sinh... từ ngày phát hiện ca bệnh, điều tra và hoàn thành phiếu điều tra	Chi giám sát, điều tra xã thường	150,000	Ca bệnh	1	150	22,500,000
		Chi giám sát, điều tra xã khó khăn	300,000	Ca bệnh	1	50	15,000,000
		CỘNG					37,500,000
4	Đi tập huấn, hội thảo tuyến trên, nhận vật tư, hóa chất	Công tác phí (150.000đ/ ngày/ người x 40 ngày)	150,000	ngày	1	40	6,000,000
		Tiền ngủ (350.000đ/p/đêm x 21 đêm)	350,000	Phòng	1	21	7,350,000
		vé xe, máy bay, tàu xe	200,000	vé		20	4,000,000
		Nhiên liệu hoạt động	22,000	lít xăng	1	250	5,500,000
		Phí cầu đường	15,000	vé		30	450,000

		Bốc vắc vaccin	315,000	chuyến		10	3,150,000
	CỘNG						26,450,000
5	Kiểm tra, giám sát hỗ trợ các tuyến dưới	Công tác phí huyện xa (100.000đ/ ngày/ người x 3 người x 8 huyện x 4 đợt)	100,000	Ngày	1	96	9,600,000
		Công tác phí huyện gần (70.000đ/ ngày/ người x 3 người/ đợt x 2 huyện x 4 đợt)	70,000	Ngày	1	24	1,680,000
		vé xe	70,000			20	1,400,000
		Phí cầu đường	15,000	Vé	1	30	450,000
		Nhiên liệu hoạt động	22,000	lít xăng	4	250	22,000,000
	CỘNG					35,130,000	
IV	Kinh phí chiến dịch						348,394,000
	Chiến dịch Td	Kinh phí bồi dưỡng cho trẻ tiêm xã thường	2,000	trẻ		20,250	40,500,000
		Kinh phí bồi dưỡng cho trẻ tiêm khó khăn	4,000	trẻ		1,670	6,680,000
		Phiếu khám sàng lọc trẻ em	400	tờ		20,250	8,100,000
		Giấy mời	300	tờ		20,250	6,075,000
		Danh sách đối tượng uống vắc xin Td	300	tờ		4,000	1,200,000
		Chi công điều tra trẻ cho y tế thôn bản xã thường	140,000	ngày	4	100	56,000,000
		Chi công điều tra trẻ cho y tế thôn bản xã khó khăn	140,000	ngày	5	10	7,000,000
		Phiếu xác nhận đã uống vắc xin	300	tờ		20,250	6,075,000
		Mua đá bảo quản vắc xin trước trong chiến dịch	10,000	ngày	4 ngày/xã	111	4,440,000

		Mua đường cho trẻ uống trong chiến dịch	23,000	kg		203	4,669,000
		Công tác phí giám sát huyện xa	100,000	ngày	3 người/ngày	16	4,800,000
		Công tác phí giám sát huyện gần	70,000	ngày	3 người/ngày	6	1,260,000
		Công tác phí vận chuyển vắc xin	100,000	ngày	2	11	2,200,000
		Nhiên liệu vận chuyển vắc xin về tuyến huyện	22,000	lít xăng		200	4,400,000
		Nhiên liệu hoạt động giám sát	22,000	lít xăng		350	7,700,000
		Phí cầu đường	15,000	vé		60	900,000
	Tổng						161,999,000
	Chiến dịch IPV	Kinh phí bồi dưỡng cho trẻ tiêm xã thường	2,000	trẻ		35,550	71,100,000
		Phiếu khám sàng lọc trẻ em	400	tờ		35,550	14,220,000
		Giấy mời	300	tờ		35,550	10,665,000
		Danh sách đối tượng tiêm vắc xin IPV	400	tờ		2,000	800,000
		Chi công điều tra trẻ cho y tế thôn bản xã thường	140,000	ngày	3	101	42,420,000
		Chi công điều tra trẻ cho y tế thôn bản xã khó khăn	140,000	ngày	4	10	5,600,000
		Phiếu xác nhận đã uống vắc xin	300	tờ		35,550	10,665,000
		Mua đá bảo quản vắc xin trước trong chiến dịch	10,000	ngày	4 ngày/xã	111	4,440,000

		Mua đường cho trẻ uống trong chiến dịch	23,000	kg		355	8,165,000
		Công tác phí giám sát huyện xa	100,000	ngày	3 người/ngày	27	2,700,000
		Công tác phí giám sát huyện gần	70,000	ngày	3 người/ngày	6	420,000
		Công tác phí vận chuyển vắc xin	100,000	ngày	2	11	2,200,000
		Nhiên liệu vận chuyển vắc xin về tuyến huyện	22,000	lít xăng		200	4,400,000
		Nhiên liệu hoạt động giám sát	22,000	lít xăng		350	7,700,000
		Phí cầu đường	15,000	vé		60	900,000
Tổng giám sát							186,395,000
9	In ấn tài liệu	Bảng kiểm trước tiêm chủng	400	Tờ		209,000	83,600,000
		Sổ tiêm chủng trẻ em (dùng cho tuyến xã phường)	20,000	Sổ		444	8,880,000
		Sổ quản lý vắc xin, BKT, HAT tuyến huyện , xã	20,000	Sổ		150	3,000,000
		Sổ theo dõi bệnh nhân nghi sởi	20,000	Sổ		150	3,000,000
		Sổ tiêm chủng vắc xin viêm gan B liều sơ sinh tại bệnh viện	30,000	Sổ		20	600,000
		Sổ tiêm vắc xin uốn ván cho phụ nữ	20,000	Sổ		150	3,000,000
		Sổ theo dõi phản ứng sau tiêm	20,000	Sổ		150	3,000,000
		Sổ theo dõi bệnh nhân bại liệt	20,000	Sổ		150	3,000,000

		Áp phích Quy trình tiêm vắc xin VGB tại bệnh viện	50,000	Tờ		15	750,000
		Áp phích Quy định về tiêm chủng	50,000	Tờ		24	1,200,000
		Áp phích Quy định nhận cấp, bảo quản vắc xin, DCL	50,000	Tờ		24	1,200,000
	Tổng						111,230,000
10	Bảo dưỡng, bảo trì dây chuyền lạnh tuyến dưới	Phát sinh theo thực tế					20,000,000
	Tổng kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa dây truyền lạnh						20,000,000
Tổng cộng kinh phí địa phương							1,054,530,000
(Bảng chữ: một tỷ không trăm, năm mươi bốn triệu, năm trăm ba mươi ngàn đồng chẵn)							

